

THÔNG BÁO
CAM KẾT CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
NĂM HỌC 2018 - 2019

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Theo kế hoạch của UBND Q5, học sinh từ 11 - 13 tuổi trong và ngoài địa bàn đều được xét tuyển.	Học xong chương trình lớp 6, độ tuổi từ 12 - 14 trong và ngoài địa bàn đều được xét tuyển.	Học xong chương trình lớp 7, độ tuổi từ 13 - 15 trong và ngoài địa bàn đều được xét tuyển.	Học xong chương trình lớp 8, độ tuổi từ 14 - 16 trong và ngoài địa bàn đều được xét tuyển.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Thực hiện chương trình do Bộ Giáo dục - Đào tạo ban hành theo quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông cấp Trung học cơ sở và theo chuẩn kiến thức kỹ năng của từng môn học			
III	- Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. - Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Nhà trường thông báo kết quả học tập của học sinh theo từng tháng, học kỳ. Gia đình thường xuyên liên hệ với GVCN để cùng phối hợp giáo dục học sinh. Học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ học tập, chấp hành tốt nội quy của nhà trường.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Có tổ chức các hoạt động ngoại khoá như tham quan, giao lưu, đồ em vui học, văn nghệ, thể dục thể thao, sinh hoạt Đội.			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Đạo đức : 80% Tốt, 20% Khá. - Học lực : 35% Giỏi, 35% Khá, 27% T.Bình - 100% được công nhận tốt nghiệp THCS. - Sức khỏe : Thực hiện công trình : “Trang bị bàn ghế đúng chuẩn” để giảm tỉ lệ học sinh bị vẹo cột sống.			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	99%	99%	99%	90%

Quận 5, ngày 31 tháng 5 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG



Đường Hoàng Mai

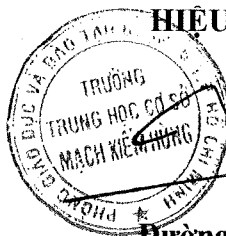
THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
CỦA TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM HỌC 2017 - 2018

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				Ghi chú
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1259	379	343	267	270	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	90.55%	90.50%	91.84%	90.64%	88.89%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	9.45%	9.50%	8.16%	9.36%	11.11%	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	
II	Số học sinh chia theo học lực	1259	379	343	267	270	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	36.70%	39.31%	41.11%	28.46%	35.56%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	40.27%	40.37%	36.15%	45.32%	40.37%	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	21.21%	17.15%	21.87%	23.22%	24.07%	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1.67%	2.90%	0.87%	2.62%	/	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0.16%	0.26%	/	0.37%	/	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	98.18%	96.83%	99.13%	97.00%	100%	
1a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	36.70%	39.31%	41.11%	28.46%	35.56%	
1b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	40.27%	40.37%	36.15%	45.32%	40.37%	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1.67%	2.90%	0.87%	2.62%	/	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.16%	0.26%	/	0.37%	/	
4	Chuyển trường đến / đi (tỷ lệ so với tổng số)	35 / 13	5 / 0	17 / 6	7 / 3	6 / 4	

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				Ghi chú
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	11 0.85%	4 1.03%	1 0.29%	1 0.37%	5 1.80%	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi HS giỏi						
1	Cấp tỉnh / thành phố	11	/	/	/	11	
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế						
V	Số học sinh dự xét tốt nghiệp	270				270	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	270				270	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	35.56%				35.56%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	40.37%				40.37%	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	24.07%				24.07%	
VII	Số học sinh nam / số học sinh nữ	704/555	211/168	189/154	156/111	148/122	
VIII	Số học sinh dân tộc thiểu số	41.22%	35.09%	41.11%	46.07%	45.19%	

Quận 5, ngày 31 tháng 5 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG



Đường Hoàng Mai

Biểu mẫu 11

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
NĂM HỌC 2017 - 2018

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	41	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	35	-
2	Phòng học bán kiên cố	/	-
3	Phòng học tạm	/	-
4	Phòng học nhờ	/	-
5	Số phòng học bộ môn	5	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
7	Bình quân lớp/phòng học	0.88	-
8	Bình quân học sinh/lớp	41	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	3304 m²	2.62 m²
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1528 m²	1.21 m²
VI	Tổng diện tích các phòng	1752 m²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1308 m ²	1.04 m ²
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	240 m ²	0.19 m ²
3	Diện tích thư viện (m ²)	64 m ²	0.05 m ²
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	/	
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)	140 m ²	0.11 m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định	8	0.22
1.1	Khối lớp 6	2	0.25
1.2	Khối lớp 7	2	0.29
1.3	Khối lớp 8	2	0.33
1.4	Khối lớp 9	2	0.29
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	/	
2.1	Khối lớp 6	/	
2.1	Khối lớp 7	/	
2.2	Khối lớp 8	/	
2.3	Khối lớp 9	/	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	50 m2	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	75	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	21	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	4	
2	Cát xét	6	
3	Đầu Video/đầu đĩa	4	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	
5	Bảng tương tác	3	
6	Nhạc cụ	4	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	/
XI	Nhà ăn	/

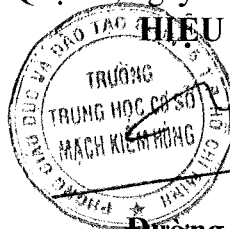
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	/		
XIII	Khu nội trú	/		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		4		0.14 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Quận 5, ngày 01 tháng 09 năm 2017



Đường Hoàng Mai

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN
CỦA TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM HỌC 2017 - 2018

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				Ghi chú
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém	
	Tổng số GV, CBQL và NV	63	0	5	44	11	2	1	24	34		58				
I	Giáo viên	55		5	39	11			24	31		55				
	Trong đó chia ra :															
1	Toán	8			8				4	4		8				
2	Lý	4			4				1	3		4				
3	Hóa	3		1	1	1			2	1		3				
4	Sinh	4			2	2			2	2		4				
5	Công nghệ	3			1	2			2	1		3				
6	Anh văn	7			6	1			1	6		7				
7	Văn	9		2	4	3			5	4		9				
8	Sử	3			3					3		3				
9	Địa	3		1	2				2	1		3				
10	Âm nhạc	2			2				1	1		2				
11	Mỹ thuật	2			2				1	1		2				
12	Thể dục	2			2					2		2				
13	Công dân	2			1	1			1	1		2				
14	Tin học	3		1	1	1			2	1		3				
II	Cán bộ quản lý	3			3					3		3				
1	Hiệu trưởng	1			1					1		1				
2	Phó hiệu trưởng	2			2					2		2				
III	Nhân viên	5			2		2	1								
1	Nhân viên văn thư															
2	Nhân viên kế toán	1			1											
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế															
5	Nhân viên thư viện	1			1											
6	Nhân viên bảo vệ	1						1								
7	Nhân viên phục vụ															
8	Nhân viên khác	2					2									

Quận 5, ngày 31 tháng 5 năm 2018
HIỆU TRƯỞNG

Đường Hoàng Mai